

Bản án số: 478/2024/DS-ST

Ngày: 25/7/2024

V/v đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,

- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Quang C,
Ông Nguyễn Văn H1.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hoàng Mạnh H2, T ký Toà
án nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M tham gia
phiên tòa:* Bà Trần Thị L, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, T1 phố
Hịa Chí M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 657/2023/DSST
ngày 21 tháng 11 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 316/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm
2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 481/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm
2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 640/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 6
năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần A, địa chỉ: D - 446 C,
Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: bà
Hứa Thị Phương K (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* ông Đỗ Trần Việt H3, địa chỉ: I D, phường H, quận T, Thành
phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của
nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là: A) cấp tín dụng cho
ông Đỗ Trần Việt H3 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông H3 ký ngày
21/10/2010, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A: Số
thẻ tín dụng 4971 3926 0000 3947, ngày cấp 16/11/2010, loại thẻ Visa Gold,
hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, hiệu lực thẻ đến tháng 11/2013. Lãi suất (trong

hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của **A**.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông **Đỗ Trần Việt H3** vi phạm nghĩa vụ trả nợ với **A**. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn: ngày 17/01/2013, **A** đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông **Đỗ Trần Việt H3**.

Tính đến ngày 25/7/2024, ông **Đỗ Trần Việt H3** còn nợ **A** các khoản sau:

- Vốn gốc: 56.971.297 đồng
- Lãi quá hạn: 278.971.297 đồng
- Tổng cộng: 335.399.405 đồng.

A yêu cầu ông **Đỗ Trần Việt H3** thanh toán cho **A** tổng số nợ tính đến ngày 25/7/2024 là 335.399.405 đồng, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông **Đỗ Trần Việt H3** còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của **A**, tính kể từ ngày 26/7/2024 đến ngày trả hết nợ.

** Đối với bị đơn ông **Đỗ Trần Việt H3**:*

Ông **Đỗ Trần Việt H3** xác nhận đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 21/10/2010 hạn mức thẻ 50.000.000 đồng với **A**. Thời điểm đó, ông **H3** là chủ doanh nghiệp **Công ty M1**, đến cuối năm 2012, Công ty rơi vào thua lỗ, không còn khả năng chi trả các khoản nợ, nhưng trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm ông **H3** mất khả năng thanh toán, **A** không khởi kiện vụ án theo quy định của pháp luật. Ông **H3** yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại cách tính lãi vì phần lãi phạt không có quy định trong hợp đồng tín dụng, không được xem và ký nháy trên Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của **A**, yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngân hàng đã khởi kiện đúng thời hiệu luật định.

- Bị đơn xác nhận nợ gốc, yêu cầu tính lại phần lãi suất và áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tổng đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án: bị đơn ông **Đỗ Trần Việt H3** có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện. Như vậy, thời hiệu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” đã hết thời hiệu, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Đòi tài sản”.

+ Về nội dung vụ án: qua kết quả phân thủ tục hỏi, phân tranh luận tại phiên tòa, việc thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện theo yêu cầu của đương sự, chấp nhận phần nợ vốn gốc: 56.971.297 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày **A** ra thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 17/01/2013 đến ngày 17/01/2016 (ngày cuối cùng của thời hiệu khởi kiện 03 năm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật dân sự) là: 67.062.338 đồng, không chấp nhận phần lãi quá hạn từ ngày 18/01/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 25/7/2024.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, **H4** đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về đơn khởi kiện của nguyên đơn:

Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** (gọi tắt là: **A**) thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tư cách pháp nhân:

A có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301452948, đăng ký lần đầu ngày 19/5/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 26/6/2023, được cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh - **Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H**. Như vậy, về tư cách pháp nhân của Ngân hàng, phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

[3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Chủ tịch Hội đồng quản trị **A** có quyết định bổ nhiệm ông **Từ Tiến P** giữ chức vụ Tổng Giám đốc **A** số 199/TCQĐ-HĐQT.22 ngày 13/01/2022. Ngày 05/7/2022 ông **Từ Tiến P** có văn bản số 1285/UQ-QLN.22, ủy quyền thường xuyên cho ông **Nguyễn Đình L1**, Phó Giám đốc phòng quản lý nợ ký Đơn khởi kiện; sau đó Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ đã có văn bản ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Thanh N**, sau là bà **Hứa Thị Phương K** tham gia tố tụng trong vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản đối với ông **Đỗ Trần Việt H3**, việc ủy quyền và nhận ủy quyền là phù hợp quy định của Bản điều lệ **A**, pháp luật về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án:

[4.1] Về địa chỉ giao dịch, nơi cư trú của bị đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông **Đỗ Trần Việt H3**, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của **A**; bản sao chụp CCCD và bản sao chụp Sổ hộ khẩu của ông **Đỗ Trần Việt H3**, thể hiện nơi cư trú của ông **H3** tại **số I D, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** – phù hợp kết quả trả lời xác minh của Ban chỉ huy **Công an phường H, quận T**, hai bên đương sự thống nhất chọn nơi ông **H3** đăng ký hộ khẩu thường trú là địa chỉ liên lạc và gửi các văn bản giao dịch.

[4.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án:

A khởi kiện ông **Đỗ Trần Việt H3** về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng. Ông **H3** yêu cầu Toà án tính lại lãi suất và áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự của **A**.

Hội đồng xét xử xét, Ủy ban thường vụ Quốc hội có ban hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017, về thí điểm xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, có hiệu lực thi hành 05 năm từ 15/8/2017 đến ngày 15/8/2022, nhưng đến hết thời hạn này **A** không khởi kiện (**A** khởi kiện và được Toà án thụ lý vào ngày 21/11/2023), hiện Nghị quyết này đã hết hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử không có căn cứ áp dụng Nghị quyết này.

Về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự (02 năm) được quy định tại Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005, đã hết hiệu lực thi hành từ ngày 31/12/2016. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 nên áp dụng các quy định của Bộ luật này về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, theo đơn yêu cầu của bị đơn và thời điểm **A** khởi kiện.

Tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định như sau:

“Điều 184. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự

1. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự.

2. Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.

Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.”

Quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, như sau: “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”.

Như vậy, căn cứ Thông báo của **A** về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn ngày 17/01/2013, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ngày phát sinh tranh chấp (ngày **A** bị xâm phạm quyền và lợi ích theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng) là ngày 17/01/2013, theo Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N1**, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Đối chiếu các quy định pháp luật, thời hiệu pháp luật tố tụng dân sự quy định **A** phải khởi kiện về tranh chấp hợp đồng dân sự trong thời hạn là 03 năm, tính đến ngày 17/01/2016, **A** cũng không chứng minh được do khách quan nên không khởi kiện được đúng thời hiệu luật định.

Căn cứ các quy định pháp luật đã việc dẫn, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận việc khởi kiện của **A** trong vụ án này không còn thời hiệu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, mà là tranh chấp về “đòi tài sản” thuộc loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân **Quận T**, **T1** phố **Hạ Chí M** theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao kết hợp đồng:

Hai bên đương sự có xác lập hợp đồng theo mẫu chung do Ngân hàng D, việc hai bên ký kết hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, bản thân bị đơn cũng đã thực hiện thanh toán một số kỳ, nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung bản hợp đồng này được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

[6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Trong vụ án này, bị đơn không có yêu cầu phản tố, bị đơn đã xác định số nợ gốc, có yêu cầu tính lại lãi suất và yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[7] Việc bổ sung tài liệu, chứng cứ:

Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho T2 án.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[8] Về nợ vốn gốc của bị đơn:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Đỗ Trần Việt H3 ký ngày 21/10/2010, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, Đơn khởi kiện, Bản tự khai, bảng tính vốn, lãi vay, Thông báo nhắc nợ, chuyển nợ quá hạn... do A lập, cùng các tài liệu chứng cứ khác và lời khai của bị đơn ông H3, thể hiện ông H3 là người xác lập giao dịch dân sự với A, mở thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng. Ông H3 đã thanh toán nhiều kỳ được: 88.567.599 đồng, hiện dư nợ gốc của ông H3 tính đến ngày 25/7/2024 là : 56.971.297 đồng.

[9] Về yêu cầu tính lãi quá hạn:

[9.1] Về yêu cầu tính lãi quá hạn của A:

A yêu cầu ông Đỗ Trần Việt H3 thanh toán cho A tổng số nợ tính đến ngày 28/7/2024, gồm nợ vốn gốc là: 56.971.297 đồng, lãi quá hạn là: 278.971.297 đồng, tổng cộng: 335.399.405 đồng, với mức lãi suất 0,1075%/ngày, tương đương 38,7%/năm.

Hội đồng xét xử xét, A và ông Đỗ Trần Việt H3 thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của A, thể hiện lãi suất (trong hạn, quá hạn) là căn cứ theo Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng N1, ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng, nên ghi nhận về cách tính lãi quá hạn.

[9.2] Quyết định của Hội đồng xét xử về lãi quá hạn:

Như đã phân tích tại Mục [4.2] nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ngày phát sinh tranh chấp (ngày A bị xâm phạm quyền và lợi ích theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng) là ngày 17/01/2013 – ngày A ra Thông báo về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, tính đến ngày 17/01/2016 A không còn thời hiệu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, mà là tranh chấp về “đòi tài sản”, nên chấp nhận tính lãi quá hạn theo thỏa thuận (thời hiệu khởi kiện 03 năm) từ ngày 17/01/2013 tính đến ngày

17/01/2016, theo công thức tính lãi quá hạn: nợ gốc x 150% lãi vay x 1.095 ngày: 67.062.338 đồng.

Tổng cộng nợ vốn gốc và nợ lãi được chấp nhận là: 56.971.297 đồng + 67.062.338 đồng = 124.033.635 đồng.

Hội đồng xét xử không chấp nhận phần lãi quá hạn tính đến ngày 25/7/2024 theo yêu cầu của **A**: 278.428.108 đồng - 67.062.338 đồng = 211.365.770 đồng, **A** phải chịu án phí trên số tiền lãi quá hạn không được chấp nhận là 10.568.288 đồng.

Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông **Đỗ Trần Việt H3** là người yêu cầu **A** mở thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng, dư nợ của ông **H3** tính đến ngày 17/01/2016, nợ vốn 56.971.297 đồng; nợ lãi quá hạn 67.062.338 đồng, tổng cộng là 124.033.635 đồng.

Việc ông **Đỗ Trần Việt H3** là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của **A**, do vậy ông **H3** có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 164, các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông **Đỗ Trần Việt H3** phải chịu án phí dân sự là 6.201.682 đồng.

A phải chịu án phí dân sự 10.568.288 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 96, 97, 98, 184, 189, 233, 259, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Khoản 2 Điều 164, các Điều 166, 357, 429, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc **Ngân hàng N1**, ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng;

Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N1**, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Á**.

1. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Đòi tài sản”.

2. Không chấp nhận số tiền lãi quá hạn theo yêu cầu của **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** từ ngày 18 tháng 01 năm 2016 đến ngày 25 tháng 7 năm 2024 là 211.365.770 đồng (Hai trăm mười một triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm bảy mươi đồng).

3. Buộc ông **Đỗ Trần Việt H3** có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Á**, tổng cộng số tiền là 124.033.635 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi lăm đồng), trong đó gồm: nợ vốn gốc 56.971.297 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi một ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng), lãi 67.062.338 đồng (Sáu mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm ba mươi tám đồng).

Cách thức thanh toán: ông **Đỗ Trần Việt H3** có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Á**, tổng cộng số tiền 124.033.635 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi lăm đồng) nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông **Đỗ Trần Việt H3** phải chịu án phí dân sự là 6.201.682 (Sáu triệu hai trăm lẻ một ngàn sáu trăm tám mươi hai đồng).

Ông **Đỗ Trần Việt H3** nộp số tiền án phí dân sự 6.201.682 (Sáu triệu hai trăm lẻ một ngàn sáu trăm tám mươi hai đồng), nêu trên, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.2. **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** phải chịu án phí dân sự 10.568.288 đồng (Mười triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm tám mươi tám đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.578.529 đồng (Bảy triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm hai mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000306, ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự **Quận T, T1 phố Hịa Chí M**.

Ngân hàng thương mại cổ phần Á còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 2.989.759 đồng (Hai triệu chín trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi chín đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền kháng cáo: **Ngân hàng thương mại cổ phần Á**, ông **Đỗ Trần Việt H3** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
 CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ

T3

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ

Lê Nam Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
 CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ

Lê Nam Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ

T3

TÒA ÁN NHÂN DÂN
 QUẬN TÂN PHÚ
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:
 - *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,
 - *Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Quang C,
 Ông Nguyễn Văn H1.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 657/2023/DSST ngày 21 tháng 11 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Á.
 - *Bị đơn:* ông Đỗ Trần Việt H3.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, H4 đồng xét xử thảo luận và biểu quyết thống nhất về những vấn đề sau:

*** Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Khảo 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 96, 97, 98, 184, 189, 233, 259, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Khoản 2 Điều 164, các Điều 166, 357, 429, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng N1, ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng;

Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết:

.....

*** Về nội dung:**

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Á:**

1. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Đòi tài sản”.
2. Không chấp nhận số tiền lãi quá hạn theo yêu cầu của **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** từ ngày 18 tháng 01 năm 2016 đến ngày 25 tháng 7 năm 2024 là 211.365.770 đồng (Hai trăm mười một triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm bảy mươi đồng).

3. Buộc ông **Đỗ Trần Việt H3** có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Á**, tổng cộng số tiền là 124.033.635 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi lăm đồng), trong đó gồm: nợ vốn gốc 56.971.297 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi một ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng), lãi 67.062.338 đồng (Sáu mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm ba mươi tám đồng).

Cách thức thanh toán: ông **Đỗ Trần Việt H3** có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Á**, tổng cộng số tiền 124.033.635 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi lăm đồng) nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Biểu quyết:

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

1. Ông **Đỗ Trần Việt H3** phải chịu án phí dân sự là 6.201.682 (Sáu triệu hai trăm lẻ một ngàn sáu trăm tám mươi hai đồng).

Ông **Đỗ Trần Việt H3** nộp số tiền án phí dân sự 6.201.682 (Sáu triệu hai trăm lẻ một ngàn sáu trăm tám mươi hai đồng), nêu trên, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** phải chịu án phí dân sự 10.568.288 đồng (Mười triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm tám mươi tám đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.578.529 đồng (Bảy triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm hai mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000306, ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự **Quận T, T1 phố Hạ Chí M.**

Ngân hàng thương mại cổ phần Á còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 2.989.759 đồng (Hai triệu chín trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi chín đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Biểu quyết:

*** Về thi hành án:**

Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Biểu quyết:

*** Về quyền kháng cáo:**

Ngân hàng thương mại cổ phần Á, ông Đỗ Trần Việt H3 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Biểu quyết:

Buổi nghị án kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN

TÒA